TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2024
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Sơn Hóa**.

- Bà **Nguyễn Anh Thư.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Lài** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Ông **Đặng Văn Sỹ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 688/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXX - ST ngày 12 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2023, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984; Có mặt.
HKTT và nơi cư trú: Phường Đ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1976; Vắng mặt.
HKTT và nơi cư trú: Phường Đ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh B vào ngày 17/11/2015, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại UBND phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, kết hôn lần thứ nhất.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh B không chung thủy và việc chị không có con chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, tháng 3/2020 vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, đến tháng 8/2020 vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 8/2023 từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh B để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng không có con chung, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (Động sản + bất động sản): Anh chị không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị xác nhận không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B; Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có con chung, ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; Về tài sản chung và các khoản nợ chung chị T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Thanh B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy báo, thông báo đến Tòa ghi lời khai, thông báo các phiên hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên toà

mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, bị đơn đã vi phạm khoản 16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBNTQH quy định về án phí năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh B; Về con chung, Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị T xác nhận không có và không có yêu cầu gì, nên không xét; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh B, nơi cư trú: Phường Đ quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận Hoàng Mai đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Thanh B, tuy nhiên sau khi nhận được các văn bản tố tụng anh B không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và các buổi làm việc anh B đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 28/12/2023. Anh B vắng mặt không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227, điều 233, khoản 2 điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên toà được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 18/01/2024. Tại phiên toà hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Thanh B vào ngày 17/11/2015, trước khi đăng kí kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại UBND phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất. Do vậy HĐXX nhận định đây là hôn nhân hợp

pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Phường Đ quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh B không chung thủy và việc chị không có con chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, tháng 3/2020 vợ chồng đã sống ly thân một thời gian đến tháng 8/2020 vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 8/2023 từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T xin ly hôn là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh B là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh Nguyễn Thanh B không có con chung, không yêu cầu giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T xác nhận chị T và anh Nguyễn Thanh B không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0000396 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

4. *Về quyền kháng cáo:*

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Anh Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai;
- UBND phường Đ, quận H, Hà Nội; (GCNKH số 133/2015, quyển số 01, ngày 17/11/2015)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương